| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỦY NGUYÊN**<br>**THNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 149/2024/HS-ST
Ngày 13 - 8 - 2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Vân

Ông Hoàng Đắc Hân

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Bích Thuỷ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Đào Thị Ngân và bà Lê Thị Thu Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2024/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

**1. Bùi Xuân T,** sinh năm 1984, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn a, xã b, huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn Phú (đã chết) và bà Ngô Thị C; có vợ là Đinh Thị H (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Bản án số 52/2014/HSST ngày 6,7,8/5/2014 của Tòa án nhân dân tHnh phố Hải Phòng xử phạt 07 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy; Phạt bổ sung 5.000.000 đồng (đã xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

**2. Lâm Văn Đ**, sinh năm 1989, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn s, xã d, huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn P và bà Nguyễn Thị T; chưa có vợ con; tiền sự: Không; tiền án:

+ Bản án sơ thẩm số 102/2009/HSST ngày 30/6/2009 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên và Bản án phúc thẩm số 99/2009/HSPT ngày 28/8/2009 của Tòa án nhân dân tHnh phố Hải Phòng xử phạt Đ 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; bồi thường cho bị hại 130.000.000 đồng. Bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm, án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bản án sơ thẩm số 149/2009/HSST ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân tHnh phố Hải Phòng xử phạt Lâm Văn Đ 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Tổng hợp hình phạt với bản án phúc thẩm số 99/2009/HSPT buộc Đ phải chấp Hnh 60 tháng tù. Bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

+ Bản án sơ thẩm số 41/2015/HSST ngày 23/12/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt Đ 08 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 đến ngày 28 tháng 12 năm 2023 chuyển tạm giam, có mặt.

**3. Dương Văn Minh**, sinh năm 1988, tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn 3, xã b, huyện Thuỷ Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn Sức và bà Đặng Thị Th; có vợ là Trần Thị T (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05 tháng 01 năm 2024 đến ngày 08 tháng 01 năm 2024 chuyển tạm giam, có mặt.

**4. Lục Thị B**, sinh năm 1993, tại Thanh Hóa; Nơi ĐKTT: Thôn b, xã v, huyện Kiến Thụy, tHnh phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn 1, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn Thông (đã chết) và bà Lữ Thị A; có chồng là Phạm Văn Bình (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2023, có mặt.

**5. Lường Thị H**, sinh năm 1992; tại Điện Biên; Nơi ĐKTT:, xã Mx, huyện y, tỉnh Điện Biên, nơi cư trú: Thôn 1, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lường Văn H và bà Lường Thị C; có chồng là Lò Văn H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2023, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị H:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thư - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý NH nước tHnh phố Hải Phòng. Có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Bùi Xuân T là chủ quán Karaoke 79 tại thôn 1, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên. T thuê Dương Văn Minh làm quản lý tại quán hát, công

việc là bố trí phòng hát, tính tiền của khách và được bao ăn ở tại quán. Tối ngày 22/12/2023, T ở trong phòng hát số 2, còn Minh ở bên ngoài bố trí phòng hát cho khách.

Tại phòng hát số 01: Khoảng 01 giờ 20 phút ngày 23/12/2023, Lục Thị B và Lường Thị H đều là nhân viên của quán cà phê Lá Cọ cùng nhau đi uống bia sau đó rủ nhau chung tiền đến quán karaoke 79 thuê phòng để hát. Khi đến quán, H và B gặp Minh hỏi thuê phòng hát, Minh đồng ý và dẫn vào phòng số 1. Minh bật máy hát, lấy cốc, rót nước và ngồi nói chuyện với H, B rồi đi ra ngoài. Quá trình nói chuyện, Minh có nói với H việc Nguyễn Văn Kiên là quản lý của H và B đang ở phòng hát số 02. H nhắn tin rủ Kiên sang phòng số 1 để hát cùng. Khoảng 10 phút sau, Kiên vào phòng ngồi hát cùng H và B. Một lúc sau, Minh tự mang vào phòng 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục trong lòng đĩa chứa ma túy Ketamine, 01 thẻ nhựa màu trắng, 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cố định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá. Minh xào kẻ ma túy ketamine trên đĩa rồi đưa tẩu cuốn lần lượt mời Kiên, B và H sử dụng. H và Kiên mỗi người sử dụng 02 đường, B sử dụng 01 đường. Sử dụng ma túy xong Minh để đĩa ketamine trên bàn rồi ra ngoài. Sau đó cả nhóm ngồi nghe nhạc, không tiếp tục sử dụng ma túy, đến khoảng 02 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang. Quá trình bắt giữ, Minh không có mặt tại quán hát.

Tại phòng hát số 02: Khoảng 00 giờ ngày 23/12/2023, Bùi Xuân T là chủ quán hát cùng Trần Xuân Hiệp đang ngồi hát. Do bản thân còn ma túy thuốc lắc và Ketamine chưa sử dụng hết nên T nảy sinh ý định mang ma túy ra sử dụng tại phòng hát. T gọi điện cho Lâm Văn Đ rủ Đ về quán của T sử dụng ma túy, Đ đồng ý. Lúc này Đ đang hát Karaoke tại xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cùng Đào Trung Hiếu, Vũ Ngọc Tiến, Bùi Duy Nam, Mã Thị Vân và Lò Thị Hồng (sinh ngày 23/12/2008, 15 tuổi) nên đã rủ cả nhóm về Hải Phòng chơi nhưng không nói cho cả nhóm về việc sử dụng ma túy. Đ mang theo 06 viên thuốc lắc rồi cùng Hiếu, Nam, Tiến, Vân, Hồng thuê xe taxi đi về Hải Phòng.

Lúc này tại phòng hát số 2, T lấy một túi ma túy Ketamine, một viên thuốc lắc, đĩa sứ, tẩu cuốn và thẻ nhựa có sẵn tại quán mang vào phòng hát số 2. T đưa cho Hiệp nửa viên ma túy thuốc lắc, Hiệp nhận và sử dụng cùng Coca, T bẻ nửa viên thuốc lắc còn lại tHnh hai phần, rồi sử dụng một phần với Coca, phần còn lại để trên bàn. Sau đó, T đổ Ketamine đã xào sẵn ra đĩa, tự sử dụng một đường rồi để đĩa lên bàn. T gọi điện cho người tên Khánh bảo Khánh chở hai nhân viên đến quán. Trong lúc T và Hiệp hát karaoke thì có Kiên vào phòng. T lấy ¼ viên thuốc lắc còn lại mời Kiên sử dụng, Kiên nhận và sử dụng cùng Coca. Khoảng 10 phút sau, Phan Thị Chuyên và Vi Thị May (May sinh ngày 01/7/2007, 16 tuổi 05 tháng 22 ngày) là hai nhân viên phục vụ vào phòng. T lấy đĩa Ketamine mời Chuyên sử dụng một đường, May không sử dụng. Khi Chuyên và May vào thì Kiên đi sang phòng hát số 1. Khoảng hơn 01 giờ cùng ngày, cả nhóm của Đ đến quán hát, Nam ra phía sau quán hát đi vệ sinh còn Đ cùng Tiến, Hiếu, Hồng, Vân vào phòng hát số 2. Đ gọi cho Khánh bảo chở 01 nhân viên đến quán Karaoke 79. Đ lấy 06 viên thuốc lắc ra chia cho Tiến ½ viên sử dụng cùng nước lọc, chia cho Vân ½ viên sử dụng cùng nước lọc, sau đó bẻ thêm nửa viên, chia đôi nửa viên đó, Đ tự sử dụng

¼ viên và đưa cho Hiếu ¼ viên thuốc lắc để sử dụng với nước lọc. Còn lại 04 viên và ½ viên để trên bàn để ai có nhu cầu thì tự lấy sử dụng. Sau đó, Đ lấy 01 đĩa sứ hình bầu dục, trong lòng đĩa có 01 thẻ, tẩu cuốn và ma túy Ketamine xào sẵn ở trên mặt loa, mang đi mời May, Vân, Hiếu, Tiến, Hồng sử dụng; Hồng và May sử dụng 02 đường; Hiếu và Tiến mỗi người sử dụng 01 đường. Vân không sử dụng, bản thân Đ tự sử dụng hai đường. Khoảng 01 giờ 45 phút cùng ngày, Giàng Thị Sinh Cu là nhân viên nữ vào phòng phục vụ, Đ mời Cu sử dụng thuốc lắc nhưng Cu không sử dụng, Đ tiếp tục bê đĩa Ketamine mời thì Cu sử dụng hai đường. Khoảng 02 giờ cùng ngày, cả nhóm đang nghe nhạc thì bị cơ quan công an bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ tại phòng hát số 01 gồm: 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục trong lòng đĩa chứa tinh thể màu trắng, 01 thẻ nhựa màu trắng, 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng cố định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá trên mặt bàn bên trái phòng hát số 1; số ma túy còn lại trong đĩa sứ được thu gom vào 01 túi nilon (mẫu số 1).

Vật chứng thu giữ tại phòng hát số 02 gồm: Tại mặt loa trong phòng hát có 01 đĩa sứ màu trắng, hình bầu dục. Trong lòng đĩa có chứa tinh thể màu trắng, tinh thể được thu gom vào một túi nilon, kích thước 4x7 cm (Mẫu số 2), 01 tẩu cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng cố định bằng hai vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 thẻ nhựa màu trắng đều bám dính tinh thể màu trắng. Tại túi quần phía trước bên phải của Lâm Văn Đ đang mặc có 01 túi nilon kích thước 5x10 cm, bên trong chứa 04 viên nén, hình trụ màu xám và một mảnh viên nén màu xám (Mẫu số 3); 01 vỏ túi nilon bám dính tinh thể màu trắng; 11 điện thoại di động của các đối tượng.

Khám xét khẩn cấp quán Karaoke 79 và chỗ ở của Lâm Văn Đ, Dương Văn Minh, Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên không thu giữ đồ vật gì có liên quan.

Tiến Hnh xét nghiệm mẫu nước tiểu cho kết quả: Tại phòng số 01, Nguyễn Văn Kiên, Lường Thị H, Lục Thị B đều dương tính với Ketamine và MDMA. Tại phòng số 2, Lâm Văn Đ, Bùi Xuân T, Đào Trung Hiếu, Vũ Ngọc Tiến, Lò Thị Hồng, Giàng Thị Sinh Cu, Vi Thị May, Trần Xuân Hiệp đều dương tính với Ketamine và MDMA; Mã Thị Vân dương tính với MDMA; Phan Thị Chuyên dương tính với Ketamine; Bùi Duy Nam và Dương Hồng Sơn âm tính với tất cả các chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 1071/KL-KTHS ngày 26/12/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tHnh phố Hải Phòng: Tinh thể màu trắng của mẫu số 01 là ma túy, có khối lượng 0,7 gam, loại Ketamine. Tinh thể màu trắng của mẫu số 02 là ma túy, có khối lượng 0,14 gam, loại Ketamine. Các viên nén và mảnh viên nén màu xám của mẫu số 3 là ma túy, có khối lượng 2,41 gam, loại MDMA. Tinh thể màu trắng bám dính trên đĩa sứ, thẻ nhựa, tờ tiền 10.000 đồng thu giữ tại phòng hát số 1 là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính. Tinh thể màu trắng bám dình trên vỏ túi nilon thu giữ tại phòng hát số 02 là ma túy, loại Ketamine, không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT/PC09 chứa 0,09 gam Ketamine, 2,03 gam MDMA vá vỏ bao gói của 03 mẫu vật sau giám định; 01 hộp giấy dấu niêm phong số 1071MT-A/PC09 chứa 02 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 04 vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 vỏ túi nilon; 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT-B/PC09 chứa 01 tờ tiền 10.000 đồng và 01 tờ tiền 20.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0966.565.525 của Bùi Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0393.476.562 của Lâm Văn Đ chuyển Chi cụ Thi Hnh án dân sự huyện Thủy Nguyên.

Tại phiên toà, lời khai của các bị cáo Bùi Xuân T, Lâm Văn Đ, Lục Thị B, Lường Thị H, Dương Văn Minh phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản xác minh tin báo, nguồn tin về tội phạm, phù hợp lời khai của những người sử dụng trái phép chất ma túy; phù hợp với kết luận giám định, kết quả xét nghiệm nước tiểu tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tHnh phố Hải Phòng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số 125/CT-VKSTN ngày 31 tháng 5 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố các bị cáo Dương Văn Minh, Lục Thị B, Lường Thị H về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Bùi Xuân T về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Lâm Văn Đ về tội: Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm b, c, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn Minh từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm 6 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 05 tháng 01 năm 2024.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lục Thị B từ 7 năm 6 thán đến 8 năm 6 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/12/2023.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lường Thị H từ 7 năm 6 tháng đến 8 năm 6 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28/12/2023.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Xuân T từ 9 năm 6 tháng đến 10 năm 6 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/12/2023.

- Áp dụng điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 38, 17, 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lâm Văn Đ từ từ 10 năm 6 tháng đến

11 năm 6 tháng tù giam về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/12/2023.

- Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản riêng, công việc không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT/PC09 chứa 0,09 gam Ketamine, 2,03 gam MDMA vá vỏ bao gói của 03 mẫu vật sau giám định; 01 hộp giấy dấu niêm phong số 1071MT-A/PC09 chứa 02 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 04 vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 vỏ túi nilon. Tịch thu phát mại sung vào ngân sách nH nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0966.565.525 thu giữ của Bùi Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0393.476.562 thu giữ của Lâm Văn Đ. Tịch thu sung vào Ngân sách NH nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được niêm phong trong một bì giấy dấu niêm phong số 1071MT-B/PC09.

- Về án phí: Bị cáo H được miễn án phí hình sự sơ thẩm, các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Lường Thị H trình bày lời bào chữa: Đồng ý với bản luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, điều luật áp dụng và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi áp dụng hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem nguyên nhân điều kiện phạm tội của bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp và không hiểu biết pháp luật nên đã phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo đều trình bày nhận thức rõ Hnh vi phạm tội, hậu quả của tội phạm đã thực hiện, tỏ ra ăn năn, hối cải và mong muốn được sự khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các Hnh vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng; Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Ngày 23 tháng 12 năm 2023, tại phòng hát số 01 quán karaoke 79 thuộc thôn 1, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng, các bị cáo Dương Văn Minh, Lục Thị B, Lường Thị H cùng chung ý chí tổ chức cho nhau và cho Nguyễn Văn Kiên sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, Dương Văn Minh là người khởi xướng việc sử dụng ma túy, cung cấp ma túy Ketamine, chuẩn bị công cụ, xào, kẻ và mời Kiên, B và H sử dụng. Lục Thị B và Lường Thị H cùng nhau góp tiền thuê phòng hát là địa điểm để các đối tượng sử dụng ma túy. Hnh vi của các bị cáo Dương Văn Minh, Lục Thị B, Lường Thị H đã đủ yếu tố cấu tHnh tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, theo điểm b *(đối với 02 người trở lên)* khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Ngày 23 tháng 12 năm 2023, tại phòng hát số 02 quán karaoke 79 thuộc thôn 1, xã Ngũ Lão, huyện Thủy Nguyên, tHnh phố Hải Phòng, các bị cáo Bùi Xuân T, Lâm Văn Đ cùng chung ý chí tổ chức cho Nguyễn Văn Kiên, Giàng Thị Sinh Cu, Phan Thị Chuyên, Vi Thị May (16 tuổi 05 tháng 22 ngày), Lò Thị Hồng (15 tuổi), Mã Thị Vân, Đào Trung Hiếu, Vũ Ngọc Tiến, Trần Xuân Hiệp sử dụng trái phép chất ma túy. Trong đó, bị cáo Bùi Xuân T là người khởi xướng, cung cấp địa điểm, cung cấp ma túy và mời Kiên, Chuyên, Hiệp sử dụng ma túy. Bị cáo Lâm Văn Đ là người cung cấp ma túy, và mời May, Vân, Hiếu, Tiến, Hồng sử dụng ma túy. Hnh vi của bị cáo Bùi Xuân T và Lâm Văn Đ đã đủ yếu tố cấu tHnh tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b (*Đối với 02 người trở lên), c (Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi)* khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lâm Văn Đ đã bị kết án về tội phạm rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện Hnh vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng nên bị cáo Đ phải chịu tình tiết định khung hình phạt quy định tại *điểm h (tái phạm nguy hiểm)* khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của Hnh vi phạm tội: Hnh vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của NH nước về chất ma túy được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều nhận thức rõ tác hại của ma túy nhưng không có ý thức phòng tránh mà còn tự chuẩn bị công cụ, địa điểm, ma tuý về sử dụng cho bản thân và tổ chức cho người khác sử dụng trong đó có người dưới 18 tuổi. Hnh vi của các bị cáo gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và là nguyên nhân làm phát sinh nhiều loại tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần phải nghiêm khắc xử lý đối với các bị cáo mới đủ sức răn đe và giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Dương Văn Minh, Lục Thị B, Lường Thị H, Bùi Xuân T, Lâm Văn Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều tHnh khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Dương Văn Minh, Lục Thị B và Bùi Xuân T có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến, Lường Thị H có ông nội tham gia cách mạng nên các bị cáo Minh, B, T, H được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"gia đình có công với cách mạng"* quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về phân hóa vai trò và hình phạt: Đây là vụ án có đồng phạm nên cần phân hóa vai trò của từng bị cáo để làm cơ sở cho việc cá thể hóa trách nhiệm hình sự, lượng hình đối với từng bị cáo.

[5.1] Tại phòng hát số 01: Bị cáo Dương Văn Minh là người khởi xướng và thực Hnh tích cực trong việc thực hiện Hnh vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên vai trò của bị cáo Minh cao hơn bị cáo B và bị cáo H. Cụ thể: Bị cáo Minh đã tự mang vào phòng 01 đĩa sứ màu trắng trong lòng đĩa chứa ma túy ketamine, 01 thẻ nhựa màu trắng, 01 tẩu cuốn. Bị cáo Minh cũng là người xào kẻ ma túy trên đĩa rồi lần lượt mời Kiên, B và H sử dụng. Bị cáo B và H có vai trò ngang nhau, hai bị cáo cùng nhau góp tiền thuê phòng hát, là địa điểm để các bị cáo sử dụng ma túy.

[5.2] Tại phòng hát số 02: Bị cáo Bùi Xuân T là người khởi xướng, đã gọi điện cho bị cáo Lâm Văn Đ rủ Đ về quán của mình để sử dụng ma túy. T cũng là người cung cấp ma túy và mời Kiên, Hiệp, Chuyên sử dụng. Bị cáo Lâm Văn Đ là người cung cấp ma túy và trực tiếp mời Tiến, Vân, Hiếu, Hồng, May, Cu sử dụng ma túy. Do đó, đánh giá bị cáo Đ là người thực Hnh tích cực và có vai trò thấp hơn bị cáo T.

[5.3] Vì những phân tích nêu trên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Hình phạt áp dụng cho bị cáo Dương Văn Minh phải cao hơn hình phạt áp dụng đối với bị cáo Lường Thị H và Lục Thị B. Bị cáo Đ có 03 tiền án chưa được xóa án tích nay lại thực hiện Hnh vi phạm tội rất nghiêm trọng, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo Đ là cao hơn bị cáo T.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, các bị cáo không có tài sản riêng, công việc không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT/PC09 chứa 0,09 gam Ketamine, 2,03 gam MDMA và vỏ bao gói của 03 mẫu vật sau giám định là vật thuộc lại NH nước cấm tàng trữ, lưu Hnh; 01 hộp giấy dấu niêm phong số 1071MT-A/PC09 chứa 02 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 04 vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 vỏ túi nilon là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0966.565.525 thu giữ của Bùi Xuân T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0393.476.562 thu giữ của Lâm Văn Đ là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung vào Ngân sách NH nước. Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng và 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng được cuốn dùng làm tẩu cuốn để sử dụng ma tuý vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào Ngân sách NH nước.

[8] Đối với những điện thoại di động tạm giữ của các đối tượng, quá trình điều tra xác định không liên quan đến việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại quán karaoke 79 ngày 23/11/2023 nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp và người được ủy quyền là đảm bảm quy định của pháp luật.

[9] Đối với Hnh vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Xuân Hiệp, Nguyễn Văn Kiên, Đào Trung Hiếu, Vũ Ngọc Tiến, Phan Thị Chuyên, Giàng Thị Sinh Cu, Vi Thị May, Lò Thị Hồng, Mã Thị Vân, Công an huyện Thủy Nguyên đã ra quyết định xử phạt vi phạm Hnh chính.

[10] Về những vấn đề khác: Vụ án này không có dấu hiệu của việc bỏ lọt tội phạm hoặc Hnh vi phạm tội mới nên Hội đồng xét xử không phân tích chứng cứ để xem xét việc khởi tố vụ án hay yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo Lường Thị H là người dân tộc thiểu số nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo còn lại phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Dương Văn Minh** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Dương Văn Minh 08 năm tù giam. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tính từ ngày tạm giữ ngày 05 tháng 01 năm 2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Lục Thị B** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lục Thị B 07 năm tù giam. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28 tháng 12 năm 2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Lường Thị H** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lường Thị H 07 năm tù giam tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam ngày 28 tháng 12 năm 2023.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Bùi Xuân T** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Bùi Xuân T 09 năm năm tù giam. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tính từ ngày tạm giữ ngày 23 tháng 12 năm 2023.

5. Căn cứ điểm b, c, h khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, các Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo **Lâm Văn Đ** phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Đ  10 năm tù giam. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tính từ ngày tạm giữ ngày 23 tháng 12 năm 2023

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT/PC09 chứa 0,09 gam Ketamine và 2,03 gam MDMA và vỏ bao gói của 03 mẫu vật sau giám định; 01 hộp giấy dấu niêm phong số 1071MT-A/PC09 chứa

02 đĩa sứ, 02 thẻ nhựa, 04 vỏ đầu lọc thuốc lá và 01 vỏ túi nilon. Tịch thu sung vào ngân sách NH nước 01 tờ tiền 10.000 đồng và 01 tờ tiền 20.000 đồng được niêm phong trong 01 bì giấy dấu niêm phong số 1071MT-B/PC09. Tịch thu phát mại sung vào ngân sách NH nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0966.565.525; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone gắn sim số 0393.476.562 (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/5/2024; Phiếu nhập kho số NK2024/114 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Thủy Nguyên).

7. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, buộc mỗi bị cáo Bùi Xuân T, Lâm Văn Đ, Dương Văn Minh, Lục Thị B phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Lường Thị H được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi Hnh án dân sự thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi Hnh án dân sự; thời hiệu thi Hnh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hnh án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Bị cáo;
- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tHnh phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Mai**

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm

kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, tHnh phố) gì thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân tHnh phố H Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân Hm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực Hnh quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện Hnh vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện Hnh vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý Hnh chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm Hnh chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm Hnh chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi "có mặt" và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi "vắng mặt".

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ thự trong dấu [ ].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các tHnh viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

***Nơi nhận***:
- Bị cáo;
- TAND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND tHnh phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Cơ quan thi Hnh án hình sự;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tHnh phố Hải Phòng;
- Phòng PV06, PC10;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Mai**

***Nơi nhận:***

*Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*